

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST

Ngày 10-4-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Dũ

Bà Đoàn Thị Sim

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị C, sinh năm 1952 (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn K, sinh năm 1946 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp Tân T, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 01 năm 2018, và tại phiên tòa, bà Trần Thị C trình bày: Vào năm 1978 bà và ông Trần Văn K kết hôn, đến năm 1979 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp trong lối sống được hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn K.

Về con chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông Trần Văn K được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà Trần Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị C khởi kiện ông Trần Văn K về ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Đồng thời, ông Trần Văn K được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Trần Văn K được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, bà Trần Thị C và ông Trần Văn K kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Trần Thị C cho rằng cuộc sống hôn nhân xảy ra mâu thuẫn, không còn hạnh phúc nên bà Trần Thị C yêu cầu ly hôn thì ông Trần Văn K không có ý kiến. Xét hôn nhân của bà Trần Thị C và ông Trần Văn K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, chấp nhận cho bà Trần Thị C ly hôn với ông Trần Văn K là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung là không có nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Trần Thị C chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân, chấp nhận cho bà Trần Thị C ly hôn với ông Trần Văn K.
2. Bà Trần Thị C chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006876, ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, như vậy bà Trần Thị C không còn phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mỹ Nhi